



EVN PECC1

**TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1**

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

**BÁN TÀI SẢN NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN SÔNG BUNG 5
DO CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1
(PECC1) SỞ HỮU**

Bản công bố thông tin này và tài liệu kèm theo được cung cấp bởi:

CHỦ SỞ HỮU: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1 (PECC1)

Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 22148368/38544270 Fax: (84-24) 35520670/38541208

Website: www.pecc1.com.vn

TỔ CHỨC ĐÁU GIÁ TÀI SẢN: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐÁU GIÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 71 ngõ 125 phố Tân Xuân, P. Xuân Đình, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 32121 723 Fax: (84-24) 6269 8577

EVN

Hà Nội, tháng 01 năm 2019



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1 (PECC1)

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100953 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/01/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 17/8/2017)

BÁN NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN SÔNG BUNG 5

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 bán dự án Nhà máy thủy điện Sông Bung 5 theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 03/10/2018 tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-TVĐ1-DHĐCĐ ngày 03/10/2018.

Thông tin về phương án bán Nhà máy thủy điện Sông Bung 5

- **Tên tài sản đấu giá:** Nhà máy thủy điện Sông Bung 5.
- **Phương thức bán:** Thực hiện bán đấu giá theo Luật đấu giá tài sản.
- **Hình thức:** Bán toàn bộ Nhà máy thủy điện Sông Bung 5 và tiếp nhận toàn bộ đội ngũ cán bộ vận hành nhà máy đến thời điểm chuyển giao tài sản.
- **Giá khởi điểm:** 1.688.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một nghìn sáu trăm tám mươi tám nghìn tỷ đồng).

(Giá khởi điểm của tài sản đấu giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, phí trả nợ trước hạn và các loại thuế, phí, lệ phí, chi phí khác liên quan đến việc chuyển quyền khai thác, sang tên đổi chủ theo quy định của pháp luật. Giá trị hợp đồng chuyển nhượng tài sản đấu giá sẽ bao gồm giá trúng đấu giá cộng thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật. Người trúng đấu giá phải phối hợp với PECC1 làm thủ tục chuyển quyền khai thác, sang tên đổi chủ tài sản đấu giá. Phí trả nợ trước hạn (nếu có), mọi khoản thuế, phí, lệ phí và chi phí khác liên quan đến việc chuyển quyền khai thác, sang tên đổi chủ do người trúng đấu giá chịu.)

MỤC LỤC

I. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung công bố thông tin	6
Tổ chức có tài sản đấu giá	6
II. Các từ viết tắt	6
III. Căn cứ pháp lý	6
IV. Các nhân tố rủi ro	7
1. Rủi ro về kinh tế.....	7
2. Rủi ro đặc thù.....	8
3. Rủi ro pháp lý	9
4. Rủi ro khác.....	9
V. Giới thiệu về Chủ sở hữu Dự án NMTĐSB5	9
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	9
2. Mối quan hệ với Nhà máy thủy điện Sông Bung 5	10
VI. Tình hình và đặc điểm của Dự án NMTĐSB5	10
1. Thông tin chung	10
2. Mô tả kỹ thuật NMTĐSB5	11
3. Các hợp đồng vay vốn, thế chấp với Ngân hàng	15
4. Chức năng, nhiệm vụ của Nhà máy thủy điện Sông Bung 5	15
5. Tình hình quyết toán dự án	17
6. Tình hình đất đai và các công trình xây dựng thuộc NMTĐSB5	19
7. Tình hình lao động.....	19
8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	20
9. Các khoản nợ, vay của Nhà máy thủy điện Sông Bung 5	22
10. Ý kiến của ngân hàng cho vay vốn	22
11. Các hợp đồng mua bán điện	22
12. Phương án sắp xếp lao động sau khi bán Dự án	22
13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của NMTĐSB5	23
14. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới NMTĐSB5 có thể ảnh hưởng tới giá trị chuyển nhượng.....	23
15. Triển vọng phát triển	23
VII. Thông tin về việc tổ chức đấu giá tài sản NMTĐSB5	24
1. Tên tài sản đấu giá: Nhà máy thủy điện Sông Bung 5.	24
2. Giá khởi điểm đấu giá.....	24
3. Tiền đặt trước khi tham dự đấu giá.....	24
4. Đối tượng tham gia đấu giá và điều kiện đối với nhà đầu tư tham gia đấu giá.....	24
5. Tổ chức đấu giá tài sản	26
6. Thời gian, địa điểm, cách thức mua và nộp hồ sơ tham gia đấu giá	26
7. Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá	26
8. Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá tài sản	26
9. Khoản tiền đặt trước, tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá	26

VIII. Các tổ chức tư vấn có liên quan	26
1. Tổ chức xác định giá trị tài sản.....	26
2. Tổ chức đấu giá tài sản	26
3. Tổ chức tư vấn luật	27
4. Tổ chức Tư vấn xây dựng phương án bán và bản công bố thông tin	27
IX. Khuyến nghị đối với nhà đầu tư.....	27

Tài liệu kèm theo Bản công bố thông tin

Phụ lục 1: Hồ sơ pháp lý

- 1) Văn bản số 360/BCN-NLD ngày 22/1/2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) chấp thuận đề Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 được làm Chủ đầu tư Công trình thủy điện Sông Bung 5;
- 2) Quyết định số 88/QĐ-TVĐ1-HĐQT-P2 ngày 06/3/2009 của HĐQT Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Thủy điện Sông Bung 5;
- 3) Giấy chứng nhận đầu tư số 22/CN-UBND ngày 11/5/2009 của UBND ngày 11/5/2009 của UBND tỉnh Quảng Nam;
- 4) Văn bản số 8494/BCT-TCNL ngày 13/9/2011 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt điều chỉnh công suất lắp máy dự án thủy điện Sông Bung 5, tỉnh Quảng Nam;
- 5) Giấy phép hoạt động Điện lực số 93/GP-ĐTĐL ngày 15/10/2014 do Cục Điều tiết Điện lực Bộ Công Thương cấp;
- 6) Giấy phép khai thác sử dụng nước mặt số 2317/GP-BTNMT ngày 26/12/2012 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp;
- 7) Hợp đồng thuê đất số 312/HĐTD ngày 02/12/2009 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam và Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 1;
- 8) Hợp đồng vay vốn tín dụng số 01/2009/SB5-HĐTD ngày 14/08/2009 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - chi nhánh Nguyễn Trãi (nay là chi nhánh Thăng Long) và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1; các phụ lục hợp đồng số 01/2013/SB5-PLHĐTD ngày 25/07/2013 và 02/2013/SB5-PLHĐTD ngày 30/08/2013 và 03/2015/SB5-PLHĐTD ngày 30/03/2015;
- 9) Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 01/2009/SB5-HĐTCBĐS ngày 14/8/2009; Hợp đồng thế chấp Bất động sản và Quyền tài sản số 02/2009/SB5-HĐTCĐS ngày 01/8/2009.
- 10) Hợp đồng mua bán điện số 03/2013/HĐ-NMĐSB5 giữa PECC1 và Tập đoàn Điện lực Việt Nam ký ngày 28/3/2013 và phụ lục sửa đổi bổ sung số 05 ký tháng 09/2018 giữa Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 và Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- 11) Quyết định số 201/QĐ-TVĐ1-HĐQT ngày 29/06/2018 về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Dự án thủy điện Sông Bung 5;
- 12) Văn bản số 38/CNTLG ngày 28/05/2018 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Thăng Long về chủ trương bán dự án thủy điện Sông Bung 5;
- 13) Nghị quyết số 02/2018/NQ-TVĐ1-DHĐCĐ ngày 3/10/2018 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018 về việc thông qua phương án bán toàn bộ Nhà máy thủy điện Sông Bung 5;
- 14) Xác nhận số dư tiền vay theo Hợp đồng vay vốn tín dụng số 01/2009/SB5-HĐTD ngày 14/08/2009 tại thời điểm 31/12/2018 của VietinBank.

Phụ lục 2: Phương án sử dụng lao động

Phụ lục 3: Mô tả kỹ thuật

I. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung công bố thông tin
Tổ chức có tài sản đầu giá
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

Đại diện là ông: Phạm Nguyên Hùng

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

II. Các từ viết tắt

Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong bản công bố thông tin này có nội dung như sau:

- Công ty hoặc PECC1 : Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1
- NMTĐSB5 : Nhà máy thủy điện Sông Bung 5
- TNHH : Trách nhiệm hữu hạn

III. Căn cứ pháp lý

Bao gồm các tài liệu liệt kê tại Phụ lục 1 và các tài liệu sau đây:

- 1) Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành được lập bởi PECC1 ngày 31/03/2018;
- 2) Báo cáo Kiểm toán quyết toán số 367A-18/BC-XD/ĐT-VAE ngày 08/05/2018 Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam;
- 3) Báo cáo Thẩm tra báo cáo quyết toán dự án hoàn thành được lập bởi PECC1 ngày 31/05/2018;
- 4) Báo cáo kiểm tra số liệu quyết toán vốn đầu tư hoàn thành Dự án thủy điện Sông Bung 5 ngày 31/05/2018 của Tổ kiểm tra số liệu quyết toán EVN;
- 5) Nghị quyết số 238/NQ-HĐTV ngày 28/06/2018 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành Dự án thủy điện Sông Bung 5;
- 6) Nghị quyết số 01/2018/NQ-TVĐ1-ĐHĐCĐ ngày 29/06/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 về việc thông qua báo cáo quyết toán dự án hoàn thành Dự án thủy điện Sông Bung 5;
- 7) Báo cáo pháp lý số 25-08/2018/BCPL/VL/TV1 ngày 25/08/2018 của Công ty Luật TNHH Vina Legal;
- 8) Chứng thư thẩm định giá số 280818.008/CTTĐ.TĐG ngày 28/08/2018 của Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC về kết quả thẩm định giá trị tài sản Nhà máy thủy điện Sông Bung 5 tại thời điểm 30/6/2018;
- 9) Nghị quyết số 334/NQ-HĐTV ngày 31/8/2018 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam và văn bản số 4469/EVN-QLV ngày 06/9/2018 của Tổng giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc phê duyệt phương án bán Nhà máy thủy điện Sông Bung 5;
- 10) Nghị quyết số 389/NQ-HĐTV ngày 24/9/2018 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam về nội dung biểu quyết tại ĐHĐCĐ bất thường năm 2018;

IV. Các nhân tố rủi ro

Nhà đầu tư nên xem xét kỹ lưỡng các vấn đề cần quan tâm nêu dưới đây ngoài những thông tin khác được cung cấp trong Bản công bố thông tin này trước khi quyết định mua tài sản NMTĐSB5. Việc một hoặc nhiều rủi ro nêu dưới đây xảy ra có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến tình hình kinh doanh, tài chính hoặc kết quả hoạt động của NMTĐSB5 và có thể ảnh hưởng đến giá trị tài sản. Những vấn đề cần quan tâm và những khả năng không chắc chắn khác mà NMTĐSB5 hiện không biết đến hoặc cho là không quan trọng cũng có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến việc đầu tư vào NMTĐSB5.

1. Rủi ro về kinh tế

Hoạt động sản xuất kinh doanh của NMTĐSB5 chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ cũng như chính sách phát triển Ngành Điện.

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Theo Tổng cục thống kê, tăng trưởng kinh tế đạt 7,08% trong 6 tháng đầu năm 2018, mức cao nhất trong 6 tháng đầu năm kể từ năm 2011. Trong đó, tăng trưởng của khu vực công nghiệp - xây dựng đạt 9,07%. Kết quả này giúp giảm áp lực điều hành trong 6 tháng cuối năm nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng cả năm. Bên cạnh những động lực cho tăng trưởng kinh tế, các vấn đề nội tại của nền kinh tế vẫn đang là thách thức lớn, như: trình độ công nghệ thấp, đất đai, tài nguyên đang dần cạn kiệt trong khi năng suất, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế tuy có chuyển biến nhưng chưa thực sự đột phá.

1.2. Lạm phát

Lạm phát là yếu tố vĩ mô có ảnh hưởng đến mọi chủ thể trong nền kinh tế. Lạm phát tăng cao sẽ kéo theo sự gia tăng của nguyên nhiên vật liệu đầu vào, chi phí sản xuất, quản lý, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính.

Cũng theo Tổng cục thống kê, chỉ số giá tiêu dùng bình quân 6 tháng đầu năm 2018 tăng 3,29% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản vẫn ổn định ở mức thấp, trung bình tăng 1,35% trong 6 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước, mức tăng thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây. Diễn biến lạm phát trong 6 tháng đầu năm ít chịu áp lực từ các yếu tố tiền tệ hay tổng cầu. Tuy nhiên, áp lực lạm phát trong những tháng cuối năm vẫn rất đáng lưu tâm.

1.3. Rủi ro lãi suất

Tổng cục Thống kê cho biết, mặt bằng lãi suất trong những tháng đầu năm 2018 được giữ ổn định, lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên tiếp tục giảm, trong đó các ngân hàng thương mại Nhà nước và một số ngân hàng thương mại cổ phần đã giảm khoảng 0,5%/năm lãi suất cho vay đối với các khách hàng tốt. Mặt bằng lãi suất cho vay phổ biến ở mức 6%-9%/năm đối với ngắn hạn; 9%-11%/năm đối với trung và dài hạn.

Được biết trong những tháng cuối năm, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục điều hành linh hoạt nghiệp vụ thị trường mở phù hợp với diễn biến thị trường, tình hình

vốn khả dụng của tổ chức tín dụng để hỗ trợ ổn định thị trường tiền tệ; điều hành lãi suất phù hợp với cân đối vĩ mô, lạm phát và thị trường tiền tệ.

2. Rủi ro đặc thù

Nhà máy thủy điện Sông Bung 5 phải cạnh tranh trực tiếp với các đơn vị phát điện trên thị trường. Việc thị trường điện cạnh tranh đi vào vận hành cùng với các đơn vị sản xuất điện lớn trên thị trường như EVNGENCO 1, 2, 3, PVPOWER, Sông Bung 2, 3, 4, 6..., NMTDSB5 sẽ phải cạnh tranh về giá và yếu tố liên quan với các nhà đầu tư khác để phát điện.

Sự hoạt động của các nhà máy thủy điện phụ thuộc nhiều vào yếu tố thời tiết. Trong trường hợp hạn hán kéo dài, lượng mưa giảm, làm lượng tích nước trong hồ thấp hơn so với năng lực thiết kế, ảnh hưởng lớn tới sản lượng điện sản xuất của nhà máy.

Cụ thể trong năm 2015 do ảnh hưởng của hiện tượng El Nino nên diễn biến thủy văn của các hồ thủy điện cả nước gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là các hồ trên địa bàn từ Thanh Hóa trở vào. Thống kê cho thấy tổng lượng nước về các hồ này thiếu hụt từ 40 – 60% so với trung bình nhiều năm, nhiều hồ trong suốt mùa mưa không xuất hiện lũ.

Trong các tháng đầu năm 2016 hiện tượng El Nino vẫn tiếp diễn kéo theo tình hình thủy văn hầu hết các hồ chứa khu vực miền trung, miền Nam tiếp tục kém. Để đảm bảo cung cấp điện cho mùa khô 2016, các nhà máy thủy điện trên các khu vực này hầu như chỉ vận hành theo các ràng buộc nước hạ du. Tuy nhiên, từ cuối năm 2016 hiện tượng Lanina lại khiến cho lượng mưa thiếu hụt tại khu vực miền Bắc so với trung bình nhiều năm, trong khi khu vực Trung trung Bộ và miền Nam tăng lên, do đó ảnh hưởng tới hoạt động của các thủy điện miền Bắc và tạo thuận lợi cho các thủy điện Miền Trung và miền Nam.

Năm 2017, công tác sản xuất điện gặp nhiều khó khăn, thách thức rất lớn do diễn biến bất thường, khắc nghiệt của thời tiết, số lượng cơn bão có ảnh hưởng đến nước ta đạt mức kỷ lục trong vòng 20 năm qua (16 cơn bão). Cùng với đó, trong một số thời điểm, nắng nóng cực đoan trên diện rộng diễn ra ở hầu khắp các tỉnh, thành phố khu vực miền Bắc và miền Trung, nhu cầu tiêu thụ điện tăng đột biến. Hệ thống điện truyền tải 500 kV luôn phải vận hành ở mức tải cao, nhằm đảm bảo cung cấp điện cho miền Nam. Trong khi đó, yêu cầu về chất lượng điện năng, đảm bảo an ninh cung cấp điện cũng ngày càng tăng cao... Tình hình thời tiết trong năm 2017 diễn biến khá khác biệt so với trung bình nhiều năm, lượng mưa ở mức cao hơn nhiều so với trung bình nhiều năm, trong tháng 5/2017 đã xuất hiện lũ vượt báo động III. Hiện tượng thời tiết nguy hiểm chủ yếu là hiện tượng mưa dông. Hiện tượng Enso sẽ có xu hướng duy trì ở trạng thái trung tính vào năm 2017, khả năng xuất hiện El Nino tiếp tục giảm so với các dự báo trước đây.

Trước những lo ngại về tình trạng khô hạn của thời tiết sẽ ảnh hưởng đến sản xuất điện của các nhà máy thủy điện, Bộ Công thương đã tiến hành theo dõi tình hình thủy văn các tháng đầu năm 2018 cho thấy, lưu lượng nước về các hồ thủy điện ở cả 3 miền nhìn chung tương đương, có phần khá hơn tần suất thủy văn 65%

được dự kiến trong kế hoạch đầu năm. Hầu hết các nhà máy thủy điện vẫn đang được vận hành theo kế hoạch dự kiến. Trong các tháng cao điểm mùa khô năm 2018, sản lượng của các thủy điện sẽ đạt và có thể cao hơn kế hoạch sản xuất đã đặt ra. Bộ Công Thương đã yêu cầu Tập đoàn Điện lực Việt Nam chỉ đạo Trung tâm Điều độ hệ thống điện quốc gia thực hiện nghiêm túc việc cung cấp nước cho hạ du của các hồ thủy điện theo đúng các Quy trình vận hành hồ chứa, vận hành liên hồ chứa, đồng thời phát huy tối đa khả năng phát điện vào hệ thống.

Do đó, việc rủi ro do các yếu tố bất lợi về thời tiết, thủy văn làm ảnh hưởng lớn và không lường trước được đối với tình hình sản xuất kinh doanh của các nhà máy thủy điện nói chung và NMTĐSB5 nói riêng.

3. Rủi ro pháp lý

Hoạt động sản xuất kinh doanh của NMTĐSB5 chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật và chính sách của Nhà nước, bao gồm Luật đấu thầu, Luật điện lực, các chính sách thuế... Do hệ thống pháp luật Việt Nam đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về chính sách luôn có thể xảy ra và có thể tạo điều kiện thuận lợi hoặc có ảnh hưởng không tốt cho hoạt động kinh doanh của NMTĐSB5.

4. Rủi ro khác

Các rủi ro khác bao gồm thảm họa tự nhiên, động đất, bão lụt, cháy, chiến tranh... sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng tới hoạt động sản xuất và kinh doanh của các doanh nghiệp. Các rủi ro trên hiếm khi xảy ra nhưng nếu xuất hiện sẽ gây ra các hậu quả nghiêm trọng cho hoạt động kinh doanh của NMTĐSB5.

V. Giới thiệu về Chủ sở hữu Dự án NMTĐSB5

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Thông tin chung

- Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 1
- Tên tiếng Anh: Power Engineering Consulting Joint Stock Company 1
- Tên viết tắt: PECC1
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100953 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/01/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 17/8/2017.
- Vốn điều lệ: 266.913.190.000 đồng
- Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
- Số điện thoại: (84-4) 22148368; (84-4) 38544270
- Số fax: (84.4) 35520670; (84-4) 38541208
- Website: <http://www.pecc1.com.vn>.
- Ngành nghề kinh doanh chính:
 - + Khảo sát, thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; lập quy hoạch công trình năng lượng; tư vấn, thiết kế, quản lý dự án, thẩm tra, giám sát thi công xây dựng và lắp đặt; tổng thầu thiết kế, xây dựng, mua sắm và cung cấp thiết bị; quan trắc, kiểm định chất lượng công trình; lập, thẩm tra, đánh

giá, giám sát môi trường đối với: Công trình dân dụng, Công trình công nghiệp, Công trình năng lượng, Công trình hạ tầng kỹ thuật, Công trình giao thông, Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, Công trình xử lý môi trường.

- + Đầu tư xây dựng công trình và kinh doanh bất động sản;
- + Đầu tư, sản xuất, kinh doanh điện năng.

1.2. Lịch sử hình thành và phát triển

PECC1 được hình thành và phát triển liên tục trên 50 năm lịch sử, có tiền thân là Viện thiết kế Tổng hợp (thành lập năm 1960). Năm 1982, Công ty Khảo sát và thiết kế điện được thành lập trên cơ sở hợp nhất Viện thiết kế điện, Trung tâm nghiên cứu và thiết kế thủy điện và Công ty khảo sát địa chất thủy lợi. Năm 1988, Công ty được đổi tên thành Công ty khảo sát thiết kế điện 1. Năm 1999 được đổi tên thành Công ty Tư vấn xây dựng Điện 1. Năm 2008, Công ty chuyển đổi mô hình thành Công ty cổ phần. Hiện nay, Công ty là một công ty đại chúng được niêm yết, có vốn điều lệ là 266,913 tỷ đồng, trong đó Tập đoàn Điện lực Việt Nam nắm cổ phần chi phối với tỷ lệ 54,34%. Cổ phiếu của Công ty (mã TV1) hiện được niêm yết trên hệ thống giao dịch Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).

PECC1 có 04 công ty con là các công ty TNHH MTV do PECC1 nắm giữ 100 % vốn điều lệ. Ngoài ra, PECC1 là chủ đầu tư dự án nhà máy thủy điện Sông Bung 5 theo hình thức đầu tư: xây dựng - sở hữu - kinh doanh.

2. Mối quan hệ với Nhà máy thủy điện Sông Bung 5

PECC1 là chủ sở hữu duy nhất của Dự án NMTĐSB5. Nhà máy được thành lập theo Quyết định số 408/QĐ-TVĐ1-HĐQT-P3 ngày 10/10/2012 của HĐQT PECC1.

Nhà máy hoạt động theo mô hình hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ.

VI. Tình hình và đặc điểm của Dự án NMTĐSB5

1. Thông tin chung

- Tên tài sản: Nhà máy thủy điện Sông Bung 5
- Địa chỉ nhà máy: xã Ma Cooih, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam.
- Thông tin về nhà máy:

NMTĐSB5 thuộc quy hoạch bậc thang thủy điện hệ thống sông Vu Gia-Thu Bồn tỉnh Quảng Nam đã được Bộ Công thương phê duyệt hiệu chỉnh tại Quyết định số 1438/QĐ-BCT ngày 10/3/2008.

NMTĐSB5 xây dựng trên Sông Bung nằm ở hạ lưu 2 dự án thủy điện A Vương và Sông Bung 4. Tuyến đập nằm trên địa bàn thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang và xã Ma Cooih, huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam, thuộc miền Trung có toạ độ: 15°48'31" vĩ độ Bắc; 107°44'44" kinh độ Đông. Dự án được xây dựng với nhiệm vụ chính là phát điện với công suất 57 MW cho mạng lưới điện Quốc gia, với sản lượng điện hàng năm là 208,85 GWh.

Bản công bố thông tin bán Nhà máy thủy điện Sông Bung 5

- Dự án được UBND tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận đầu tư số 22/CN-UBND ngày 11/5/2009 với tổng mức đầu tư là 1.371.478.800.000 đồng trong đó vốn tự có của Công ty là 411.443.400.000 đồng; vốn vay thương mại là 960.034.600.000 đồng.
- Tổng dự toán được duyệt: 1.367.080.780.000 đồng.
- Địa điểm thực hiện: Xã Mà Cooih, huyện Đông Giang và thị trấn Thạch Mỹ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam.
- Quy mô công trình: Cấp II.
- Diện tích đất sử dụng: 257,02 ha.
- NMTĐSB5 được khởi công xây dựng từ tháng 06/2009 và đã phát điện lên lưới điện Quốc gia:
 - + Tổ máy 1: từ ngày 25/12/2012;
 - + Tổ máy 2: từ ngày 19/7/2013.

2. Mô tả kỹ thuật NMTĐSB5

2.1. Các hạng mục chính của NMTĐSB5:

NMTĐSB5 bao gồm các hạng mục chính sau đây: công trình xả, cửa lấy nước, đường ống áp lực, công trình dẫn dòng thi công, nhà máy thủy điện, cửa xả hạ lưu, trạm phân phối điện và tuyến đường dây 110kV cung cấp điện tới trạm biến áp 220/110kV Thạch Mỹ.

- Hồ chứa được hình thành bởi đập dâng có mực nước dâng bình thường là 60,00m và mực nước chết là 58,50m so với mực nước biển, dung tích hữu ích khoảng 2,45 triệu m³.
- Công trình xả bao gồm 06 cửa van cung xả mặt, vận hành bằng các xy lanh thủy lực. Các cửa van cung xả mặt được trang bị chung một cửa van phẳng sửa chữa, nâng hạ bằng cầu trục chân dê.
- Hạng mục công trình cống dẫn dòng thi công, được chia thành bốn (04) khoang tại phía đầu vào bằng các trụ bê tông ở giữa, mỗi khoang cống dẫn dòng có kích thước thông thủy Cao x Rộng = 5,0m x 7,0m. Cống dẫn dòng được trang bị hai (02) bộ cửa van kiểu phẳng trượt, các cửa van được vận hành đóng mở bằng xi lanh thủy lực. Hạng mục này chỉ được sử dụng trong thời gian thi công công trình.
- Hạng mục cửa lấy nước bao gồm hai cửa lấy nước; mỗi cửa lấy nước được chia thành hai khoang, mỗi khoang được bố trí một (01) cửa van vận hành, đóng mở bằng máy nâng thủy lực. Để sửa chữa, tại cửa lấy nước được trang bị hai (02) cửa van sửa chữa, kiểu phẳng trượt được nâng hạ bằng cầu trục chân dê.
- Đường dẫn nước vào tuốc bin gồm hai (02) tuyến đường hầm bê tông dài khoảng 28m nối từ cửa nhận nước đến nhà máy.
- Nhà máy thủy điện bao gồm hai (02) máy phát công suất 28,5MW-10,5kV được nối trực tiếp với hai (02) tuốc bin Kaplan. Mỗi máy phát sẽ được đấu nối với một máy biến áp ba pha, công suất 31,5MVA, nâng điện áp máy phát từ 10,5kV lên điện áp 110kV. Các máy biến áp sẽ được đấu nối với trạm phân phối điện ngoài trời bằng hai lộ đường dây trên không. Năng lượng sẽ được chuyển từ

Bản công bố thông tin bán Nhà máy thủy điện Sông Bung 5

trạm phân phối của nhà máy vào TBA 220/110kV Thạnh Mỹ theo một tuyến đường dây 110kV.

- Cửa xả hạ lưu nhà máy thủy điện được trang bị bốn (04) cửa van phẳng trượt, được nâng hạ bằng cầu trục chân dê.

2.2. Các thông số chính của nhà máy

STT	Tên gọi	Đơn vị	Thông số
I	Hệ thống sông		Sông Bung
II	Thủy văn		
1	Diện tích lưu vực FLV	km ²	2.369
2	Lưu lượng bình quân năm	m ³ /giờ	118,13
3	Lưu lượng đỉnh lũ P=0,1%	m ³ /giờ	16991
III	Hồ chứa		
1	Mực nước dâng bình thường (MNDBT)	m	60
2	Mực nước chết (MNC)	m	58,5
3	Dung tích toàn bộ hồ chứa	10 ⁶ m ³	20,27
4	Dung tích hữu ích	10 ⁶ m ³	2,45
IV	Đập dâng nước		
1	Loại đập		Đập bê tông trọng lực thường
2	Cao trình đỉnh đập	m	68
3	Chiều dài đập theo đỉnh	m	158,87
4	Chiều cao đập lớn nhất	m	41,5
V	Đập tràn		
1	Kiểu tràn		Bê tông cốt thép
2	Số lượng cửa van	Cái	6
3	Cao trình ngưỡng	m	45
4	Kích thước thông thủy (rộngxcao)	m x m	13,0 x 15,7
VI	Cửa lấy nước		
1	Kiểu		Bê tông cốt thép
2	Cửa van vận hành	Cái	4
3	Cửa van sửa chữa	Cái	2
4	Cao trình ngưỡng đáy	m	46
5	Kích thước thông thủy (rộngxcao)	m x m	4,10x8,00
VII	Cống dẫn dòng		
1	Kiểu		Bê tông cốt thép
2	Số cửa van	Cái	2
3	Cao trình ngưỡng	m	28

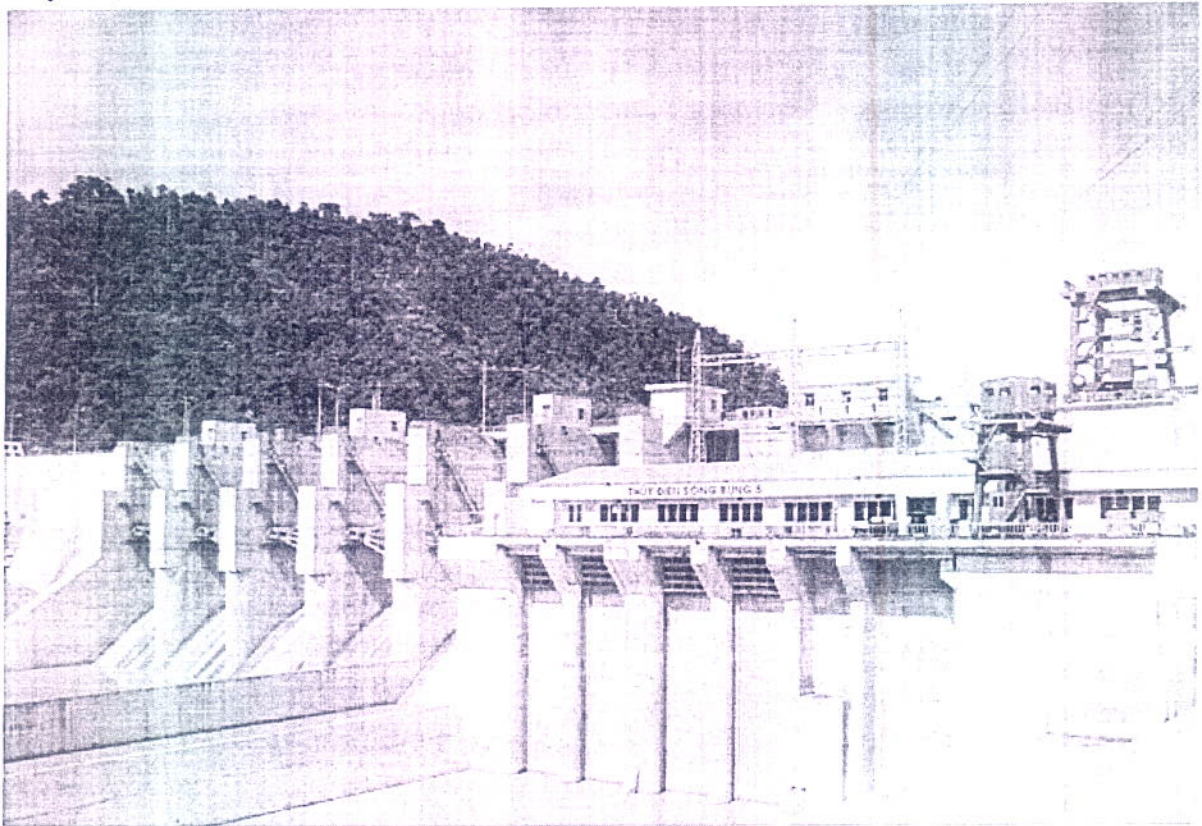
Bản công bố thông tin bán Nhà máy thủy điện Sông Bung 5

STT	Tên gọi	Đơn vị	Thông số
4	Kích thước thông thủy (rộngxcao)	m x m	5,0 x 7,0
VIII	Đường ống dẫn nước		
1	Kiểu		Bê tông
2	Số lượng	Tuyến	2
3	Kích thước thông thủy (rộngxcao)	m	4,1x5,4
4	Chiều dài	m	28
5	Lưu lượng thiết kế	m ³ /giây	217
IX	Nhà máy thủy điện		
1	Kiểu		kiểu hở, sau đập
2	Lưu lượng thiết kế tối đa	m ³ /giây	217
3	Mức nước hạ lưu lớn nhất (P=0,1%)	m	52,08
4	Mức nước hạ lưu nhỏ nhất	m	30,7
5	Cao trình sàn lắp máy	m	41,25
6	Cao trình sàn gian máy	m	35
7	Cao trình đặt tuốc bin	m	23,95
8	Kích thước nhà máy (dài x rộng) khoảng	m x m	63 x 17,8
9	Cột nước tính toán H _{tt}	m	27
10	Cột nước lớn nhất H _{max}	m	29,5
11	Cột nước nhỏ nhất H _{min}	m	16,5
12	Cột nước trung bình H _{tb}	m	27,7
13	Công suất lắp máy	MW	57
14	Công suất đảm bảo	MW	14,33
15	Kiểu tua bin		Kaplan
16	Số tổ máy	tổ	2
17	Điện lượng trung bình hàng năm	10 ⁶ kWh	208,85
X	Cửa ống xả		
1	Số cửa van	cái	4
2	Cao trình ngưỡng đáy	m	16,15
3	Kích thước (rộng x cao)	m x m	4,2 x 4,2
XI	Trạm phân phối		
1	Kiểu		Trạm hở
2	Cấp điện áp	kV	110
3	Cao trình trạm	m	55
4	Kích thước trạm	m x m	42,0x33,0

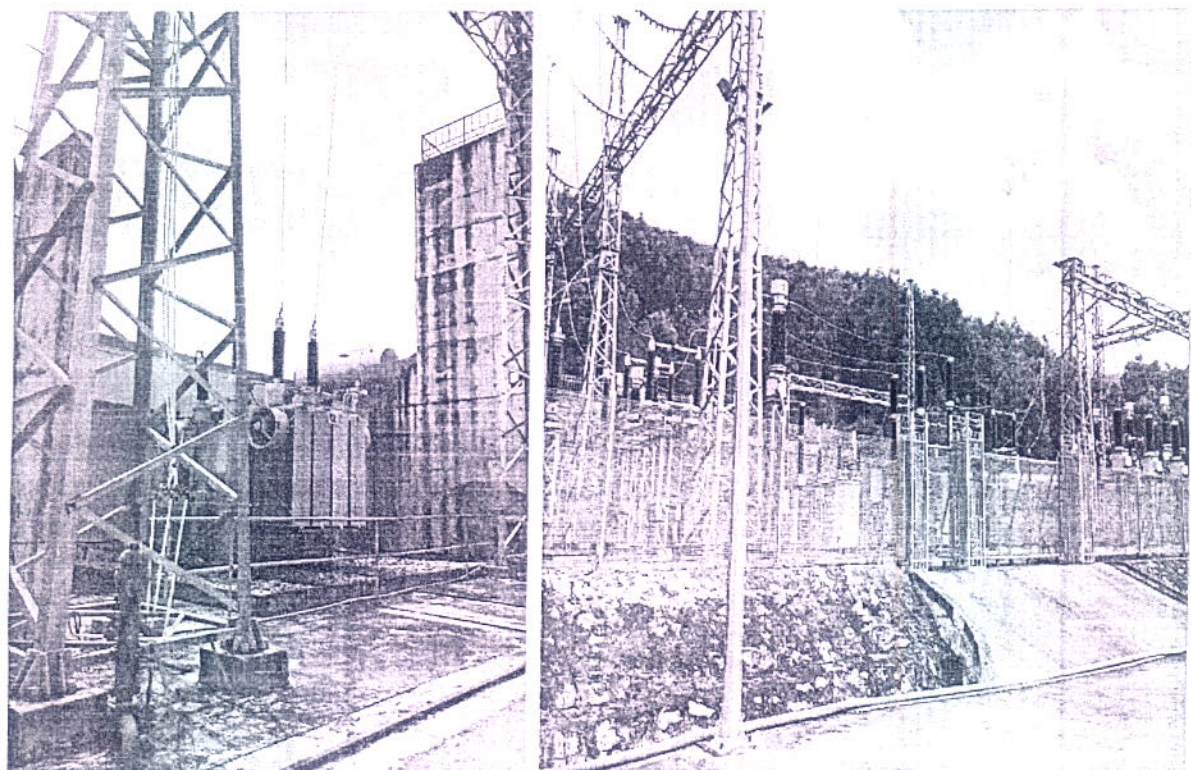
Mô tả kỹ thuật (gồm cả phần thiết bị) của NMTĐSB5 được thể hiện chi tiết

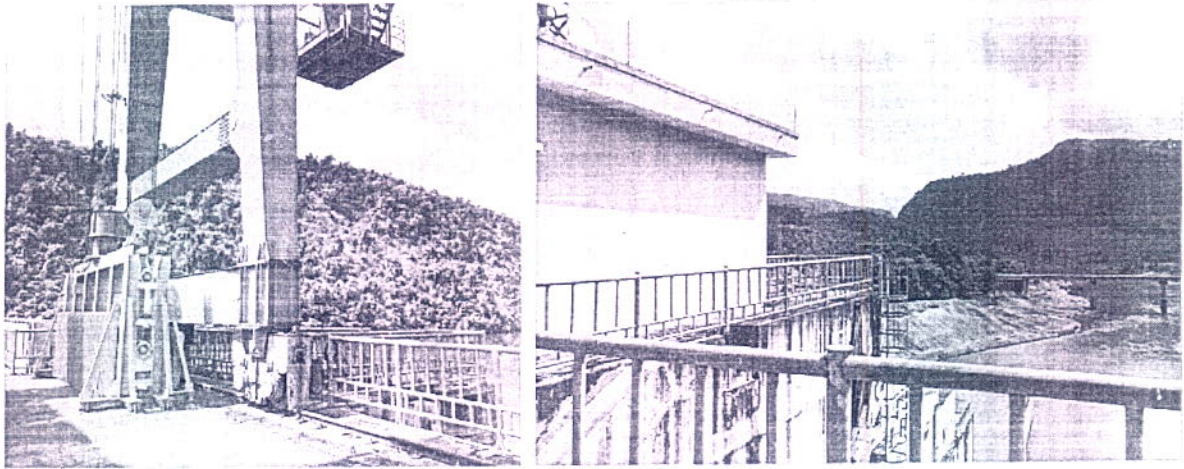
Bản công bố thông tin bán Nhà máy thủy điện Sông Bung 5
tại Phụ lục số 3 kèm theo Bản công bố thông tin này.

Một vài hình ảnh của NMTĐSB5:



Hình ảnh bên ngoài của Nhà máy thủy điện Sông Bung 5





3. Các hợp đồng vay vốn, thế chấp với Ngân hàng

NMTĐSB5 được đầu tư bằng nguồn vốn vay thương mại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng tín dụng số 01/2009/SB5-HĐTD ngày 14/8/2009 (và các phụ lục số 01/2013/SB5-PLHĐTD ngày 25/7/2013, phụ lục số 02/2013/SB5-PLHĐTD ngày 30/8/2013, phụ lục số 03/2015/SB5-PLHĐTD ngày 30/3/2015) và nguồn vốn đối ứng của Công ty. Cụ thể nêu tại mục VI.5.1.

Tài sản hình thành từ dự án đang là tài sản đảm bảo thế chấp theo Hợp đồng tín dụng số 01/2009/SB5-HĐTD ký ngày 14/8/2009 với Ngân hàng:

+ Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 01/2009/SB5-HĐTCBĐS ngày 14/8/2009.

+ Hợp đồng thế chấp Bất động sản và Quyền tài sản số 02/2009/SB5-HĐTCDS ngày 01/8/2009.

4. Chức năng, nhiệm vụ của Nhà máy thủy điện Sông Bung 5

Căn cứ theo Quyết định 408/QĐ-TVDD1-HĐQT-P3 ngày 10/2/2012 của Hội đồng quản trị PECC1, NMTĐSB5 có các chức năng và nhiệm vụ sau:

a) Chức năng

Quản lý, vận hành công trình thủy điện Sông Bung 5 hoạt động phát điện.

b) Nhiệm vụ:

- Công tác vận hành, khai thác:
 - + Trực tiếp quản lý các hạng mục công trình nhà máy thủy điện Sông Bung 5 (Công trình);
 - + Vận hành Công trình sản xuất điện năng theo phương thức vận hành được phê duyệt;
 - + Tuân thủ các quy định về điều độ và vận hành nhà máy điện theo Quy định hệ thống truyền tải, Quy định vận hành thị trường phát điện cạnh tranh, Quy chuẩn và tiêu chuẩn kỹ thuật ngành điện và các văn bản có liên quan;
 - + Phối hợp với đơn vị tư vấn trong quá trình giám sát sản lượng điện và thăm tra Giám phát thải theo quy định.
- Công tác kế hoạch sản xuất kinh doanh

Lập kế hoạch mua bán điện; kế hoạch duy tu bảo dưỡng, sửa chữa; kế hoạch vật tư theo tháng, quý, năm trình PECC1 phê duyệt để làm cơ sở thực hiện.

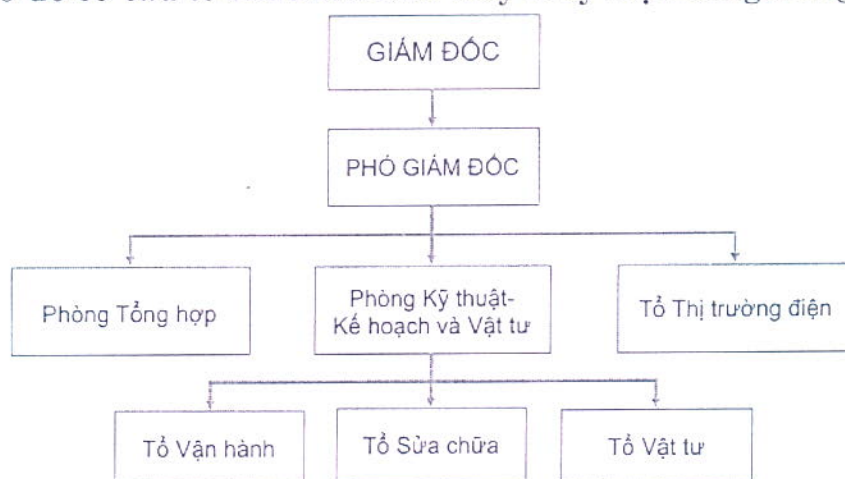
- Công tác tài chính, hạch toán kế toán
 - + Xây dựng kế hoạch chi phí vật tư, nhân công, máy móc thiết bị, quản lý hành chính... hàng năm;
 - + Tổng hợp hồ sơ bán điện, báo cáo PECC1 để PECC1 gửi Thông báo thanh toán tiền điện cho Khách hàng mua điện.
- Công tác tổ chức cán bộ, lao động và đào tạo:
 - + Trình PECC1 xem xét, quyết định thành lập và giải thể các bộ phận trực thuộc;
 - + Xây dựng phương án quy hoạch cán bộ, chức danh, tiêu chuẩn nghiệp vụ đối với các bộ phận trực thuộc và tổ chức thực hiện;
 - + Lập kế hoạch, trình PECC1 phê duyệt và tổ chức thực hiện về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên.
- Công tác tiền lương
 - + Lập kế hoạch, trình PECC1 phê duyệt kế hoạch tiền lương và tổ chức thực hiện;
 - + Xây dựng, trình PECC1 phê duyệt hệ thống tiêu chuẩn cấp bậc kỹ thuật công việc, định mức lao động và quy chế trả lương, trả thưởng.
- Công tác quản lý kỹ thuật sản xuất và kỹ thuật an toàn
 - + Tổ chức thực hiện các quy trình vận hành, xử lý sự cố các thiết bị, các hệ thống kỹ thuật của PECC1, các quy trình, quy phạm khác của cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan;
 - + Xây dựng kế hoạch đảm bảo công tác an toàn sản xuất, môi trường, phòng chống cháy nổ của công trình, trình PECC1 phê duyệt để thực hiện;
 - + Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra định kỳ và đột xuất về công tác an toàn; chỉ đạo kiểm tra việc thử nghiệm các trang thiết bị, dụng cụ an toàn;
 - + Tìm mọi biện pháp khắc phục nhanh chóng các sự cố làm ảnh hưởng đến công tác sản xuất điện, báo cáo theo quy định. Đối với các sự cố lớn, nghiêm trọng vượt quá khả năng giải quyết thì kịp thời báo cáo PECC1 xem xét, quyết định;
 - + Tổ chức điều tra các vụ tai nạn lao động. Tham gia điều tra sự cố thiết bị, tìm rõ nguyên nhân để khắc phục, đề xuất biện pháp phòng ngừa. Thống kê tai nạn, sự cố thiết bị theo quy định của PECC1 và các tổ chức có liên quan;
 - + Xây dựng chương trình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đẩy mạnh phong trào sáng kiến, cải tiến; thường xuyên cập nhật, trình PECC1 phê duyệt ban hành áp dụng vào hoạt động kinh doanh của Nhà máy.
- Công tác sửa chữa, quản lý và cung cấp vật tư:
 - + Thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ các thiết bị công nghệ của công trình thủy công và nhà máy thủy điện;

Bản công bố thông tin bán Nhà máy thủy điện Sông Bung 5

- + Giám sát công trình thủy công, phát hiện và sửa chữa những hư hỏng nhỏ của công trình;
- + Lập phương án kỹ thuật, tiến độ, dự toán công tác sửa chữa lớn thiết bị, hạng mục xây dựng công trình, trình PECC1 xem xét phê duyệt; chủ trì nghiệm thu công tác sửa chữa lớn.
- Liên hệ, phối hợp với các dự án trong bậc thang để vận hành an toàn, hiệu quả Công trình.
- Giải quyết các mối quan hệ với địa phương, các đơn vị trong và ngoài ngành... trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được PECC1 giao.

4.2. Cơ cấu tổ chức Nhà máy thủy điện Sông Bung 5

Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Nhà máy thủy điện Sông Bung 5



Chức năng nhiệm vụ các phòng ban

a) Giám đốc Nhà máy

Giám đốc nhà máy thực hiện các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của Nhà máy thủy điện theo Quyết định 408/QĐ-TVDD1-HĐQT-P3 ngày 10/2/2012 và theo sự chỉ đạo của Tổng giám đốc PECC1;

b) Phó giám đốc Nhà máy

Phó giám đốc nhà máy chịu sự phân công nhiệm vụ của Giám đốc Nhà máy thủy điện Sông bung 5 để thực hiện các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của Nhà máy thủy điện theo Quyết định 408/QĐ-TVDD1-HĐQT-P3 ngày 10/2/2012 và theo sự chỉ đạo của Tổng giám đốc PECC1

c) Các phòng ban và Tổ vận hành, tổ sửa chữa, tổ thị trường điện, tổ vật tư

Các phòng ban và các Tổ vận hành, tổ thị trường điện, tổ vận hành, tổ sửa chữa, tổ vật tư thực hiện công việc theo sự phân công nhiệm vụ của Giám đốc Nhà máy.

5. Tình hình quyết toán dự án

Dự án Nhà máy thủy điện Sông Bung 5 đã được PECC1 lập báo cáo quyết toán, thẩm định và được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá

Bản công bố thông tin bán Nhà máy thủy điện Sông Bung 5

Việt Nam tại Báo cáo kiểm toán số 367A-18/BC-XD/ĐT-VAE ngày 08/05/2018.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty đã thông qua báo cáo quyết toán dự án hoàn thành Dự án thủy điện Sông Bung 5 tại Nghị quyết số 01/2018/NQ-TVĐ1-ĐHĐCĐ ngày 29/06/2018. Theo đó, HĐQT Công ty đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Dự án thủy điện Sông Bung 5 tại Quyết định số 201/QĐ-TVĐ1-HĐQT ngày 29/06/2018 với các nội dung chính như sau:

5.1. Nguồn vốn đầu tư

Vốn đầu tư Dự án được cơ cấu từ nguồn vốn vay thương mại từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng tín dụng số 01/2009/SB5-HĐTD ngày 14/8/2009; và nguồn vốn đối ứng của Công ty. Cụ thể số liệu tại thời điểm quyết toán (31/3/2018) như sau:

Đơn vị: Đồng

Tên nguồn vốn	Theo Quyết định đầu tư	Thực hiện (bao gồm VAT)	
		Kế hoạch	Đã thanh toán
Vốn vay thương mại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	960.034.600.000	960.034.600.000	608.869.443.756
Vốn đối ứng:	411.443.400.000	411.443.400.000	482.693.278.240
- Vốn tự có			255.226.057.944
- Vốn khác			227.467.220.296
Tổng cộng	1.371.478.000.000	1.371.478.000.000	1.091.562.721.996

5.2. Chi phí đầu tư Dự án được quyết toán

Đơn vị: Đồng

Tổng chi phí đầu tư theo giá trị quyết toán	Dự toán được duyệt (bao gồm cả thuế)	Giá trị bao gồm thuế VAT	Giá trị trước thuế
1. Chi phí xây dựng	555.373.772.232	488.163.524.103	443.823.896.478
2. Chi phí thiết bị	501.530.100.443	378.468.015.301	367.150.551.751
3. Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	25.521.704.800	22.510.121.972	21.533.606.409
4. Chi phí tư vấn ĐTXD	62.588.548.136	48.972.703.169	47.336.726.763
5. Chi phí quản lý dự án	16.767.930.625	16.764.400.473	16.756.795.508
6. Chi phí lãi vay	142.742.303.241	135.733.213.386	135.733.213.386
7. Chi phí khác	50.434.266.637	41.508.506.495	39.170.142.829

Bản công bố thông tin bán Nhà máy thủy điện Sông Bung 5

Tổng chi phí đầu tư theo giá trị quyết toán	Dự toán được duyệt (bao gồm cả thuế)	Giá trị bao gồm thuế VAT	Giá trị trước thuế
8. Dự phòng	12.122.163.225	0	0
Tổng cộng	1.367.080.789.339	1.132.120.484.899	1.071.504.933.125

5.3. Chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản hình thành qua đầu tư

- Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: Không.
- Chi phí không tạo nên tài sản: 422.667.420 đồng.

5.4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư

- Tài sản dài hạn (cố định): 1.053.479.989.185 đồng;
- Tài sản ngắn hạn : 17.602.276.520 đồng.

Tổng cộng: 1.071.082.265.705 đồng.

6. Tình hình đất đai và các công trình xây dựng thuộc NMTĐSB5

Thực trạng về tình hình đất đai và các công trình xây dựng do Nhà máy thủy điện Sông Bung 5 hiện đang quản lý và sử dụng như sau:

STT	Vị trí	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Hồ sơ pháp lý
1	Xã Mã Cooih, huyện Đông Giang, Tỉnh Quảng Nam	1.270.421m ² (Trong đó: Diện tích đất không có mặt nước là 411.836m ² , diện tích đất có mặt nước là 858.585m ²)	Xây dựng nhà máy thủy điện Sông Bung 5	Hợp đồng thuê đất số 312/HĐTD ngày 2/12/2009 giữa CTCP tư vấn Xây dựng điện 1 và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam
2	Thị trấn Thạnh Mỹ, Huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam	925.153m ² (Trong đó: Diện tích đất không có mặt nước: 202.168m ² , diện tích đất có mặt nước: 722.985m ²)	Xây dựng nhà máy thủy điện Sông Bung 5	-Hợp đồng thuê đất số 312/HĐTD ngày 2/12/2009 giữa CTCP tư vấn Xây dựng điện 1 và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam

7. Tình hình lao động

Tình hình lao động của NMTĐSB5 tại thời điểm công bố thông tin:

Chỉ tiêu	Số lượng	Tỷ trọng (%)
Phân theo trình độ lao động	45	100%
- Trên đại học	0	0
- Đại học	13	29
- Cao đẳng, Trung cấp	22	49
- Công nhân kỹ thuật	5	11
- Lao động phổ thông	5	11

Bản công bố thông tin bán Nhà máy thủy điện Sông Bung 5

Chỉ tiêu	Số lượng	Tỷ trọng (%)
Phân theo loại hợp đồng lao động	45	100%
- Hợp đồng không thời hạn	36	80
- Hợp đồng có xác định thời hạn	3	7
- Hợp đồng thời vụ	6	13

(Chi tiết tại Phụ lục 2: Phương án sử dụng lao động)

8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Từ khi được đưa vào vận hành tới nay, nhà máy vận hành ổn định, không xảy ra sự cố và đã đóng góp tích cực vào hệ thống lưới điện Quốc gia, góp phần xoá đói giảm nghèo vùng miền núi. Giai đoạn 2013-2016, do biến đổi khí hậu, rơi vào chu kỳ khô hạn và một số nhà máy thủy điện tại bậc thang trên tích nước hồ chứa, doanh thu bán điện của NMTĐSB5 chưa đạt được sản lượng điện theo thiết kế. Năm 2017 nhà máy đã đạt sản lượng điện 250GWh, vượt 20% so với sản lượng thiết kế. Tổng hợp sản lượng, doanh thu của NMTĐSB5 như sau:



Tổng hợp sản lượng, doanh thu của NMTĐSB5

STT	Năm vận hành	Sản lượng điện (kWh)		Doanh thu bán điện (đồng)		Thuế Tài nguyên nước và Phí Môi trường rừng (đồng)		Tổng doanh thu (đồng)	Đơn giá điện bình quân (đồng)	
		Sản lượng được tính theo giá Hợp đồng MBD	Sản lượng được tính giá tham gia TTĐCT	Doanh thu theo Hợp đồng MBD	Doanh thu theo TTĐCT	Thuế Tài nguyên nước	Phí Môi trường rừng		Theo Hợp đồng MBD	Theo TTĐCT
1	2012	684.000		642.125.520		19.658.160	13.680.000	675.463.680	938,78	
2	2013	174.258.800		163.590.676.264		5.180.804.317	3.485.176.000	172.256.656.581	938,78	
3	2014	125.089.659	840.341	117.431.670.076	815.230.371	7.213.691.143	2.518.600.000	127.979.191.590	938,78	970,12
4	2015	136.380.058	15.333.200	128.030.870.849	18.070.152.536	9.727.513.933	3.034.265.160	158.862.802.478	938,78	1.178,50
5	2016	152.543.298	16.955.958	143.204.597.296	14.097.218.464	12.999.506.366	3.389.985.120	173.691.307.246	938,78	831,40
6	2017	230.161.725	19.856.904	216.526.944.687	12.984.891.086	20.401.461.144	5.405.320.916	255.318.617.833	940,76	653,92
7	2018	125.090.686	21.336.093	118.014.305.893	26.171.346.960	12.597.461.864	5.271.364.044	162.054.478.761	943,43	1.226,62
Tổng		1.018.530.722		959.580.030.003		91.258.488.167		1.050.838.518.169		

9. Các khoản nợ, vay của Nhà máy thủy điện Sông Bung 5

a) Hợp đồng tín dụng với VietinBank

Đến thời điểm 31/12/2018, số dư khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Thăng Long là **579.629.443.756 đồng** (xác nhận của VietinBank kèm theo).

b) Nợ phải thu/nợ phải trả các nhà thầu

Nợ phải thu/ phải trả các nhà thầu thực hiện thi công xây dựng dự án là (tại ngày 30/6/2018):

STT	Nội dung	Số phải thu (VNĐ)	Số phải trả (VNĐ)
1	Phải trả nhà thầu CC47		7.831.080.343
2	Phải trả nhà thầu cung cấp thiết bị		24.131.982.926
3	Phải trả nội bộ (PECCI)		1.141.250.000
4	Phải trả các nhà thầu khác		8.325.458.074
5	Phải thu nhà thầu khác	872.008.440	
6	Tổng phải trả, phải thu	872.008.440	41.429.771.343
7	Tổng nợ (sau khi bù trừ nợ phải thu, phải trả)	40.557.762.903	

Các khoản Nợ phải thu/phải trả này thuộc trách nhiệm của PECCI.

10. Ý kiến của ngân hàng cho vay vốn

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh Thăng Long (đơn vị ký Hợp đồng cho vay vốn tín dụng) đã đồng ý về chủ trương bán NMTĐSB5 tại văn bản số 38/CNTLG ngày 28/05/2018.

11. Các hợp đồng mua bán điện

NMTĐSB5 hiện đang bán điện lên lưới điện Quốc gia theo hợp đồng bán điện số 03-2013/HĐ-NMĐSB5 ngày 28/3/2013 và phụ lục sửa đổi số 05 ký tháng 9/2018. Theo đó, chi tiết giá bán điện (chưa bao gồm thuế tài nguyên, phí môi trường...) như sau:

- Giá cố định bình quân nhiều năm: 569,36 đồng/kWh;
- + Giá cố định từ 01/1/2019 đến 31/12/2021: 569,36 đồng/kWh;
- + Giá cố định từ 01/1/2022 đến hết đời sống kinh tế của dự án: 243,66 đồng/kWh;
- Giá O&M năm cơ sở (2018): 75,75 đồng/kWh;
- + Giá O&M theo chi phí nhân công, trượt theo CPI Việt Nam nhưng không quá 2,5% (từ năm cơ sở): 30,3 đồng/kWh
- + Giá O&M theo chi phí sửa chữa lớn và chi phí khác, trượt 2,5%/năm (từ năm cơ sở): 45,45 đồng/kWh

12. Phương án sắp xếp lao động sau khi bán Dự án

Bên mua NMTĐSB5 phải kế thừa toàn bộ lực lượng lao động đang vận hành

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do- Hạnh phúc

Hà nội, ngày 9 tháng 1 năm 2019

ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN SỐ DƯ TIỀN VAY

Kính gửi: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Thăng Long

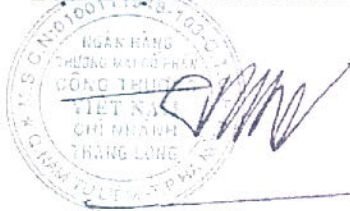
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 xin gửi lời chào trân trọng và hợp tác tới Quý Ngân hàng. Nhằm mục đích kiểm toán cho báo cáo tài chính bán niên năm 2018 của Công ty chúng tôi, kính đề nghị Quý ngân hàng xác nhận số dư tiền vay của dự án Thủy điện Sông Bung 5 tại Quý ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 01/2009/SB5-HĐTĐ ngày 14/08/2009 và các phụ lục kèm theo giữa Công ty Cổ phần tư vấn Xây dựng Điện 1 và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Nguyễn Trãi (nay là Chi nhánh Thăng Long), cụ thể như sau:

STT	Số tài khoản	Dư nợ tại 01/01/2018	Dư nợ tại 31/12/2018
01	801000310970	7.994.261.116	7.364.261.116
02	805000310893	488.019.498.408	449.499.498.408
03	807000310947	77.125.684.232	71.275.684.232
04	801002924432		3.000.000.000
05	803002851458	23.000.000.000	19.750.000.000
06	804002949212		8.860.000.000
07	807002927733		10.280.000.000
08	809002847997	11.200.000.000	9.600.000.000
Tổng cộng		607.339.443.756	579.629.443.756

Đề nghị Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Thăng Long xác nhận cho chúng tôi số dư trên.

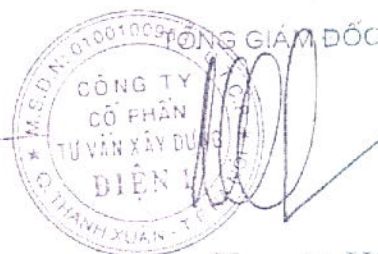
Trân trọng ! *W*

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG *W*



PHO GIÁM ĐỐC
Cô Khánh Hoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1 *W*



PHẠM NGUYỄN HÙNG

NMTĐSB5 có trong Phụ lục 2 “Phương án sử dụng lao động” của Bản công bố thông tin này.

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của NMTĐSB5

Không có

14. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới NMTĐSB5 có thể ảnh hưởng tới giá trị chuyển nhượng

Không có

15. Triển vọng phát triển

Điện lực là ngành thiết yếu của nền kinh tế quốc dân, phục vụ sản xuất kinh doanh và đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của cộng đồng. Sự phát triển của ngành điện là nền tảng đối với sự phát triển của nền kinh tế nói chung và công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nói riêng. Ngành điện là ngành chủ lực nằm trong chủ trương thúc đẩy GDP của chính phủ.

Theo quy hoạch điện VII điều chỉnh, nhằm cung cấp đủ nhu cầu điện trong nước, đáp ứng cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của cả nước với mức tăng trưởng GDP bình quân khoảng 7%/năm trong giai đoạn 2016 – 2030. Với mức tăng trưởng GDP 7,0%/năm, dự kiến nhu cầu sử dụng điện trên toàn quốc tăng trưởng bình quân 10,6%/năm, mục tiêu cụ thể phát triển nguồn điện như sau:

- Điện thương phẩm: Năm 2020 khoảng 235 - 245 tỷ kWh; năm 2025 khoảng 352 - 379 tỷ kWh; năm 2030 khoảng 506 - 559 tỷ kWh.
- Điện sản xuất và nhập khẩu: Năm 2020 khoảng 265 – 278 tỷ kWh; năm 2025 khoảng 400 – 431 tỷ kWh và năm 2030 khoảng 572 – 632 tỷ kWh.

Cũng theo quy hoạch điện VII điều chỉnh, Tổng mức đầu tư cho ngành điện Việt Nam giai đoạn 2016 – 2020 là 858,66 nghìn tỷ đồng (tương đương gần 40 tỷ USD, trung bình 7,9 tỷ USD/năm), giai đoạn 2021-2030 là 2.347,99 nghìn tỷ đồng (tương đương 108 tỷ USD, trung bình hơn 10,8 tỷ USD/năm), trong đó khoảng 74% giá trị là dành cho đầu tư nguồn điện. Do đó, nhu cầu vốn đầu tư trong thời gian tới rất cao và mang lại hiệu quả hấp dẫn.

Thêm vào đó thực hiện Lộ trình hình thành và phát triển thị trường điện theo Quyết định số 63/2013/QĐ-TTg, Bộ Công Thương đã chủ trì, phối hợp với các đơn vị đưa Thị trường phát điện cạnh tranh chính thức vận hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2012. Trải qua 06 năm vận hành, thị trường điện cạnh tranh đã đạt được các kết quả quan trọng. Tính đến nay, số lượng các nhà máy điện tham gia giao dịch trên thị trường là 87 nhà máy với tổng công suất đạt 22.946MW, tăng 2,8 lần so với thời điểm mới vận hành thị trường vào tháng 7/2012 (chỉ có 31 nhà máy điện). Hệ thống điện tiếp tục được vận hành an toàn tin cậy, cung cấp đủ điện cho phát triển kinh tế xã hội, không có sự cố có nguyên nhân từ việc vận hành thị trường điện đảm bảo cung cấp điện cho hệ thống điện quốc gia.

Song song với công tác củng cố và phát triển Thị trường phát điện cạnh tranh, Bộ Công Thương đã và đang chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị triển khai các công tác chuẩn bị cho Thị trường bán buôn điện cạnh tranh. Công tác vận hành thử nghiệm thị trường bán buôn điện đã tiếp tục được thực hiện trong năm

2017 và các tháng đầu năm 2018. Đặc biệt, từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, thị trường bán buôn điện thí điểm đã chuyển sang giai đoạn thực hiện thanh toán thật thay vì tính toán mô phỏng như các giai đoạn trước đây

Việc vận hành thí điểm Thị trường bán buôn điện cạnh tranh trong thời gian vừa qua là cơ sở để đánh giá tính phù hợp của các cơ chế vận hành Thị trường bán buôn điện theo thiết kế chi tiết đã được phê duyệt; đồng thời, các đơn vị thành viên thị trường đã từng bước làm quen với các cơ chế mới, đào tạo nâng cao năng lực.

Theo kế hoạch, thị trường bán buôn điện cạnh tranh sẽ được vận hành chính thức từ năm 2019. Khi tham gia thị trường bán buôn cạnh tranh, các đơn vị phát điện sẽ có thêm cơ hội cạnh tranh, tối ưu hóa sản xuất và doanh thu. Đây là cơ hội và thách thức để Nhà máy dần khẳng định vị thế và giá trị của mình.

VII. Thông tin về việc tổ chức đấu giá tài sản NMTĐSB5

1. Tên tài sản đấu giá: Nhà máy thủy điện Sông Bung 5.

2. Giá khởi điểm đấu giá

Giá khởi điểm bán Nhà máy thủy điện Sông Bung 5 là **1.688.000.000.000** đồng.

Giá khởi điểm của tài sản đấu giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, phí trả nợ trước hạn và các loại thuế, phí, lệ phí, chi phí khác liên quan đến việc chuyển quyền khai thác, sang tên đổi chủ theo quy định của pháp luật.

Giá trị hợp đồng chuyển nhượng tài sản đấu giá sẽ bao gồm giá trúng đấu giá cộng thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật.

Người trúng đấu giá phải phối hợp với Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 làm thủ tục chuyển quyền khai thác, sang tên đổi chủ tài sản đấu giá. Phí trả nợ trước hạn (nếu có), mọi khoản thuế, phí, lệ phí và chi phí khác liên quan đến việc chuyển quyền khai thác, sang tên đổi chủ do người trúng đấu giá chịu.

2.1. Phương thức bán và hình thức bán

- Về phương thức bán: Thực hiện bán đấu giá tài sản theo Luật đấu giá tài sản;
- Về hình thức: Bán toàn bộ NMTĐSB5 và tiếp nhận toàn bộ đội ngũ cán bộ vận hành NMTĐSB5 tại thời điểm chuyển giao tài sản.

3. Tiền đặt trước khi tham dự đấu giá

Trước khi tham dự đấu giá, mỗi Người tham gia đấu giá phải đặt trước một khoản Tiền đặt trước là **169.000.000.000 đồng** (Một trăm sáu mươi chín tỷ đồng) theo quy định tại Quy chế cuộc đấu giá tài sản.

4. Đối tượng tham gia đấu giá và điều kiện đối với nhà đầu tư tham gia đấu giá

Đối tượng tham gia đấu giá bao gồm các tổ chức trong và ngoài nước có nhu cầu mua tài sản, không phải đối tượng bị cấm theo quy định tại khoản 4 Điều 38 Luật đấu giá tài sản và đáp ứng các tiêu chí, điều kiện sau (*chi tiết xem tại Quy chế cuộc đấu giá tài sản*):

4.1. Đối tượng tham gia đấu giá là tổ chức trong nước

a) Điều kiện chung:

- Là tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, không thuộc trường hợp những người không được tham gia đấu giá theo quy định tại khoản 3 Điều này.
- Thỏa mãn các điều kiện liệt kê tại Mẫu số 01 kèm theo Quy chế cuộc đấu giá tài sản.
- Đã thực hiện việc đăng ký và nộp tiền đặt trước khi tham gia đấu giá theo đúng quy định tại Quy chế cuộc đấu giá tài sản và hướng dẫn của tổ chức đấu giá tài sản.

b) Điều kiện về năng lực:

- Có ngành nghề kinh doanh: xây dựng, sản xuất kinh doanh điện năng (hoặc có cam kết đăng ký ngành nghề kinh doanh nêu trên sau khi trúng đấu giá).

c) Điều kiện về tài chính:

- Có bản sao công chứng/chứng thực Báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất đã được kiểm toán.
- Vốn chủ sở hữu tối thiểu của người tham gia đấu giá theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán là 250 tỷ đồng (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi tỷ đồng).
- Vốn huy động cho việc tham gia đấu giá tài sản: Người tham gia đấu giá phải chứng minh về nguồn vốn huy động cho việc tham gia đấu giá tài sản như sau:

(i) Trường hợp 1:

- + Người tham gia đấu giá phải có cam kết sử dụng vốn tự có để thanh toán tối thiểu 30% giá trị hợp đồng chuyển nhượng tài sản đấu giá; và
- + Người tham gia đấu giá phải có văn bản của Ngân hàng hoặc Chi nhánh ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) cam kết cho người tham gia đấu giá kế thừa Hợp đồng tín dụng số 01/2009/SB5-HĐTD ngày 14/08/2009 mà VietinBank đã ký với PECC1; và
- + Người tham gia đấu giá phải có văn bản của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam cam kết cung cấp vốn tín dụng để thanh toán phần giá trị còn lại của hợp đồng chuyển nhượng tài sản đấu giá (có nghĩa là bằng giá trị hợp đồng chuyển nhượng tài sản đấu giá sau khi đã trừ đi phần vốn tự có đã cam kết và khoản kế thừa nợ VietinBank được nêu cụ thể tại mục VI.9 Bản công bố thông tin).

Hoặc

(ii) Trường hợp 2:

- + Người tham gia đấu giá phải có cam kết sử dụng vốn tự có để thanh toán tối thiểu 30% giá trị hợp đồng chuyển nhượng tài sản đấu giá; và
- + Người tham gia đấu giá phải có văn bản của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam cam kết cung cấp vốn tín dụng để thanh toán phần giá trị còn lại của hợp đồng chuyển nhượng tài sản đấu giá (có nghĩa là bằng giá trị hợp đồng chuyển nhượng tài sản đấu giá sau khi đã trừ đi phần vốn tự có đã cam kết). Văn bản cam kết của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng phải được người đại diện theo pháp luật của ngân hàng

hoặc tổ chức tín dụng đó ký.

Trong trường hợp 2, người tham gia đấu giá phải chịu khoản phí trả nợ trước hạn tính trên dư nợ thực tế theo quy định của Hợp đồng tín dụng số 01/2009/SB5-HĐTD ngày 14/8/2009 tại thời điểm PECC1 thực hiện tất toán Hợp đồng tín dụng với VietinBank.

4.2. Đối tượng tham gia đấu giá là tổ chức nước ngoài

Ngoài các điều kiện áp dụng như quy định tại mục 4.1 nêu trên, người tham gia đấu giá nước ngoài còn phải đáp ứng các điều kiện về đầu tư áp dụng với nhà đầu tư nước ngoài.

5. Tổ chức đấu giá tài sản

Tổ chức đấu giá tài sản là Công ty Cổ phần Dịch vụ đấu giá Việt nam.

6. Thời gian, địa điểm, cách thức mua và nộp hồ sơ tham gia đấu giá

Người tham gia đấu giá đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Quy chế cuộc đấu giá tài sản mua hồ sơ tham gia đấu giá từ ngày có Thông báo Đấu giá tài sản đến trước ngày mở cuộc đấu giá tài sản 02 ngày (trong giờ hành chính các ngày làm việc) tại văn phòng Tổ chức đấu giá tài sản.

Người tham gia đấu giá đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Quy chế cuộc đấu giá tài sản nộp hồ sơ tham gia đấu giá từ ngày có Thông báo Đấu giá tài sản đến trước ngày mở cuộc đấu giá tài sản 02 ngày (trong giờ hành chính các ngày làm việc) tại trụ sở PECC1.

Chi tiết xem thêm Quy chế cuộc đấu giá tài sản.

7. Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá

Người tham gia đấu giá có thể tìm hiểu các thông tin về tài sản đấu giá từ ngày có Thông báo Đấu giá tài sản đến trước ngày mở cuộc đấu giá 02 ngày làm việc. Việc xem tài sản đấu giá được thực hiện bằng cách xem giấy tờ về quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản, xem tài sản đấu giá trên thực địa tại nơi có tài sản đấu giá, nếu thấy cần thiết.

8. Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá tài sản

Chi tiết xem tại Quy chế cuộc đấu giá tài sản.

9. Khoản tiền đặt trước, tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá

Chi tiết xem tại Quy chế cuộc đấu giá tài sản.

VIII. Các tổ chức tư vấn có liên quan

1. Tổ chức xác định giá trị tài sản

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ: Số 1 Lê Phụng Hiểu, Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024 3824 1990

Website: aasc.com.vn

2. Tổ chức đấu giá tài sản

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ ĐẤU GIÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 71 ngõ 125 phố Tân Xuân, P. Xuân Đình, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 32121 723 Fax: (84-24) 6269 8577

Website:

3. Tổ chức tư vấn luật

CÔNG TY LUẬT TNHH VINA LEGAL

Địa chỉ: phòng 08A 2F, 17 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 32669611

Website: vinalegal.com

4. Tổ chức Tư vấn xây dựng phương án bán và bản công bố thông tin

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

Địa chỉ: Tầng 6, 79 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Điện thoại: (084-24) 3728 0921 Fax: (84-24) 3728 0920 .

Website: www.tvsi.com.vn.

IX. Khuyến nghị đối với nhà đầu tư

Các thông tin liên quan đến Dự án NMTĐSB5 được cung cấp bởi những cá nhân có đầy đủ thẩm quyền của PECC1.

Các nhà đầu tư nên tham khảo Bản công bố thông tin và Quy chế cuộc đấu giá tài sản trước khi quyết định đăng ký tham dự đấu giá. Các nhà đầu tư tham dự đấu giá có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Phạm Nguyên Hùng